TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Ông Phạm Thành Trại

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 746/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị T,** sinh năm: 1991

Địa chỉ: ấp HB, xã HĐ, huyện CT, tỉnh TG.

- Bị đơn: **Võ Văn N**, sinh năm: 1989

Địa chỉ: ấp HB, xã HĐ, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị T có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Võ Văn N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NQ, huyện CL, tỉnh TG. Sau khi cưới vợ chồng cất nhà ở riêng tại xã HĐ. Được một thời gian thì bất đồng quan điểm, cãi vả nên chị T về quê tại huyện CL để sinh sống. Thời gian này anh N có tới lui nên chị bỏ qua mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống để cùng lo cho các con. Tuy nhiên, sau khi về sống chung vợ chồng cũng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cải vả. Đến khoảng tháng 9/2023 vợ chồng chính thức sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 21/10/2011 và Võ Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/7/2016. Hiện 02 con đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Võ Văn N dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 21/10/2011 và Võ Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/7/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu.

- Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] – Về tố tụng**: Bị đơn anh Võ Văn N dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[**1] – Về nội dung yêu cầu:** Chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn N. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Chị T và anh N xác lập hôn nhân vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẩn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, cải vả, vợ chồng đã nhiều lần tạo cơ hội hàn gắn nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Chị T và anh N đã không còn sống cùng nhà từ tháng 9/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẩn giữa chị T và anh N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn anh Võ Văn N dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, nói rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời tại phiên tòa anh N vắng mặt, chứng tỏ anh Nam không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 21/10/2011 và Võ Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/7/2016, chị T yêu cầu được nuôi hai con chung. Xét thấy, hiện hai cháu H và cháu Q đang sống cùng chị T, được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo đồng thời nguyện vọng của hai

con là muốn được sống cùng chị T. Do đó, để đảm bảo nhu cầu phát triển về mọi mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử cần giao cháu H và cháu Q cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định.

[1.4] Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Võ Văn N.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 21/10/2011 và Võ Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/7/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010702 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã NQ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chinh